

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 15 /2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020.

1. Nguyên @-n: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; ĐKKHKT : Thôn N, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. BP @-n: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt; anh G và bà N đều vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/12/2010 tại UBND xã Đ (nay là xã C), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vì lý do công việc, anh chị đã thuê trọ ở phường C, Thành phố H sinh sống. Đến tháng 12 năm 2011 sau khi sinh con, anh chị đã chuyển về nhà anh G ở thôn A, xã C, huyện Tứ Kỳ sinh sống cùng bố mẹ anh G. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được với nhau đến cuối tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, anh G sống không chung thủy, chơi bời, không có trách nhiệm với gia

đình, vợ con. Chị có khuyên bảo nhưng anh G không nghe, không sửa đổi, nên chị đã thuê nhà dọn ra ngoài sống riêng ở thôn K, xã C, huyện Tứ Kỳ. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung cùng với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh G có hai con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/01/2012 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/02/2016, từ khi anh chị ly thân nhau đến nay hai con vẫn ở cùng với chị. Chị xin được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện chị làm công nhân tại công ty Sees Vina, thu nhập bình quân là 7.000.000đ-9.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Nguyễn Văn G và nhiều lần triệu tập, nhưng anh G không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã C và các đoàn thể và lãnh đạo thôn N đều cung cấp: Anh G, chị H được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh G, chị H sinh sống cùng nhau ở địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường va chạm cãi chửi nhau nên chị H cùng các con ra thuê nhà ở tại thôn K, xã T (nay là xã C), huyện Tứ Kỳ từ tháng 12/2018 cho đến nay. Chị H và anh G có hai con chung hiện đều đang ở cùng với chị H. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh G, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp có căn cứ cho ly hôn, chị H luôn gần gũi có trách nhiệm với các con, do vậy đề nghị Tòa án xem xét giao con cho người nào có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

Người làm chứng là bà Phạm Thị N (mẹ anh G) trình bày: Chị H và anh G kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn hai vợ chồng chị H, anh G sống chung cùng gia đình ông bà đến năm 2018 thì chuyển về thôn K, xã T (nay là xã C), huyện Tứ Kỳ thuê nhà sinh sống. Trong thời gian hai vợ chồng chị H, anh G sống cùng với ông bà thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là do chị H, anh G bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc và đặc biệt là vấn đề về kinh tế. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, to tiếng cho đến khi chuyển ra ngoài ở riêng thì vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vì không tin tưởng nhau cho nên từ năm 2019 cho đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hiện hai con chung của vợ chồng đang sống cùng chị H. Anh G hiện đang làm xây dựng trên thành phố Hải Dương, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, bà cũng không rõ là hiện anh G đang công việc cụ thể gì, ở đâu. Khi Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã trực tiếp thông báo cho anh G, anh G có trao đổi với bà, do công việc bận nên không về Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án cứ giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh G không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/8/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn G đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh G đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H ly hôn anh G; giao cho chị H nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/01/2012 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/02/2016 cho đến khi đủ con 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn G tự nguyện kết hôn và được UBND xã Đ (nay là xã C), huyện Tứ Kỳ đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/12/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị H, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng (bà N) có căn cứ xác định trong cuộc sống chị H và anh G có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó, anh G đi làm không có thời gian quan tâm gia đình. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh G hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ (nay là xã C), hiện đi làm ăn tự do (làm xây dựng), thỉnh thoảng có về nhà khi có công việc rồi lại đi. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh G cũng không về Tòa án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được

Toà án giao cho người thân, chứng tỏ anh G không có thiện chí đoàn tụ, chị H vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh G là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/01/2012 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/02/2016, hiện cả hai con đều đang ở với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai con của vợ chồng ở với chị H từ nhỏ, khi vợ chồng ly thân, hai con vẫn do chị H nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Tính đến thời điểm xét xử, mặc dù cháu T đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn; cháu Quỳnh A đã lớn trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ cháu. Hiện chị H làm công nhân, thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng, chị H thuộc trường hợp đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn anh G làm nghề tự do, nay đây mai đó không ổn định, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, nên giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/01/2012 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/02/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 227, 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/01/2012 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/02/2016 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số

AA/2017/0009845 ngày 29/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA. DS huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Văn Tú**